

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HS-ST

Ngày: 24-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Thúy Hà

Ông Dương Phong Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lành Văn O (tên gọi khác: Không), Sinh năm 1976, tại: P - Lai Châu; Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lành Văn P (đã chết) và bà Vàng Thị Ê, sinh năm 1933; có vợ Teo Thị H, sinh năm 1980; có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân đã bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

2. Sìn Thị N (tên gọi khác: Không), Sinh năm 1970, tại: P - Lai Châu; Nơi cư trú: Bản E, xã M, Thị xã L, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Sìn Văn Đ (đã chết) và bà Vàng Thị S (đã chết), có chồng: Ông Lâm Văn I, sinh năm 1963; có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019 cho đến

nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sìn Thị N:* Ông Bùi Đình M - Luật sư, cộng tác viên của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lành Văn O:* Bà Nguyễn Thị Kim Ng - Luật sư, cộng tác viên của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- *Bị hại:* Bà Lò Thị H1, sinh năm: 1994 (đã chết)

Nơi cư trú: Bản L 1, xã M, Thị xã L, tỉnh Điện Biên.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà: Teo Thị H, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. (Có mặt)

+ Ông: Lâm Văn I, sinh năm: 1963.

Nơi cư trú: Bản E, xã M, Thị xã L, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

+ Cháu: Lò Văn Đ, sinh ngày: 23/7/2009.

+ Cháu: Lò Việt Q, sinh ngày: 01/9/2011.

+ Cháu: Lò Hoài N, sinh ngày: 15/12/2013.

Cùng trú tại: Bản L 1, xã M, Thị xã L, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt)

+ Bà Lò Thị C, sinh năm: 1950 (mẹ của bị hại).

Nơi cư trú: Bản L 1, xã M, Thị xã L, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Lò Thị H1 đồng thời là Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các cháu Lò Tiến Đ, Lò Việt Q, Lò Hoài N:* Ông Lò Văn H2 - sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Bản L1, xã M, Thị xã L, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Lê Đình Th - Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2015, Lành Văn O sang Trung Quốc làm thuê và gặp Lành Thị Ô (chị gái đang sinh sống tại Trung Quốc) qua trao đổi Ô bảo O về Việt Nam tìm được phụ nữ đưa sang Trung Quốc để Ô bán, số tiền bán được sẽ được trả tùy thuộc vào người xinh hay xấu. Cuối tháng 4 năm 2015 Lành Văn O và Sìn Thị N đã trao đổi thỏa thuận về việc tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc để bán.

Khoảng giữa tháng 5 năm 2015, N đã gặp và nói chuyện với Lò Thị H1 về việc sang Trung Quốc làm việc sẽ được hưởng lương cao, nếu lấy chồng sẽ lấy được người giàu có và sẽ được trả khoảng 50 triệu đồng, Lò Thị H1 đã tin đó là sự thật và nghe theo Sìn Thị N. Đến cuối tháng 5 năm 2015, O đến nhà N và đưa H1 sang Trung Quốc qua suối N sang bờ suối bên kia thuộc huyện K, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Khoảng nửa tháng sau O thông báo cho O đã bán được H1 và bảo sang Trung Quốc lấy tiền, O thông báo cho N biết, N cùng O đã sang Trung Quốc gặp Ô nhận 10.000 nhân dân tệ (tương đương 31 triệu đồng) sau đó N chia cho O 3.500 nhân dân tệ và N hưởng 6.500 nhân dân tệ tại Trung Quốc, Lò Thị H1 bị bán cho 02 người đàn ông Trung Quốc (không biết tên tuổi, địa chỉ) mua về làm vợ. Đến tháng 8 năm 2018 H1 bỏ trốn và đến trình báo tại Công an Trung Quốc, tháng 11 năm 2018 H1 được đưa về Việt Nam qua đường ngoại giao, sau đó tố cáo hành vi mua bán người của O và N.

Bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 26/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Lành Văn O và Sìn Thị N để xét xử về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58/BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 về việc thi hành BLHS, xử phạt bị cáo Lành Văn O từ 07 đến 08 năm tù; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58/BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 về việc thi hành BLHS, xử phạt bị cáo Sìn Thị N từ 06 đến 07 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 150 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS và các Điều 584, 586, 587, 592 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Sìn Thị N đã bồi thường cho bị hại Lò Thị H1 số tiền 20.000.000 đồng và bồi thường tiếp cho gia đình của bị hại số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Đối với bị cáo Lành Văn O bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS xử lý theo quy định của pháp luật.

Về số tiền do các bị cáo phạm tội mà có cần bị truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự

sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Lành Văn O; Bị cáo Sìn Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh đối với các bị cáo. Về điều luật áp dụng: Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 119/BLHS năm 1999 và áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Người bào chữa cho bị cáo N đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 điều 51/BLHS năm 2015 cho bị cáo, cũng như xem xét đến điều kiện sống và nhận thức của các bị cáo để xét xử bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt và không áp dụng Khoản 3 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo. Do bị cáo Lành Văn O đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát, không bổ sung gì đối với nội dung bài bào chữa của người bào chữa.

Bị cáo Lành Văn O nhất trí bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Lò Thị H1 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); Bị cáo Sìn Thị N nhất trí bồi thường tiếp cho gia đình bị hại Lò Thị H1 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại Lò Thị H1 yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) hiện N đã bồi thường và yêu cầu bị cáo O phải bồi thường 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Lành Văn O phải bồi thường cho gia đình bị hại 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bị cáo Sìn Thị N phải bồi thường tiếp cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Sìn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Lành Văn O và Sìn Thị N đều khai nhận. Do cần tiền để chi dùng cá nhân và biết được Lò Thị H1 đang muốn tìm việc làm. Vào tháng 05 năm 2015 tại khu vực suối N thuộc Cửa khẩu G – huyện P, tỉnh Lai Châu, Lành Văn O và Sìn Thị N đã có hành vi lừa và đưa Lò Thị H1 qua biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sang nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa bán cho người phụ nữ với giá 10.000

nhân dân tệ sau đó quy đổi được 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng). Chia nhau O được hưởng số tiền là 3.500 nhân dân tệ quy đổi là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), N được hưởng số tiền là 6.500 nhân dân tệ quy đổi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Đến khoảng tháng 8 năm 2018, Lò Thị H1 đã đến trình báo cơ quan công an Trung Quốc và được đưa về Việt Nam qua đường ngoại giao sau đó tố cáo hành vi phạm tội của Lành Văn O và Sìn Thị N.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Biên bản nhận dạng, Biên bản ghi lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ do Cơ quan điều tra thu thập hợp pháp, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lành Văn O và Sìn Thị N đã phạm tội “*Mua bán người*” theo quy định tại Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Lành Văn O và Sìn Thị N về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại Điều 150 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

[2] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi lừa gạt Lò Thị H1 sau đó đưa ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, rồi chuyển giao cho người khác để nhận 10.000 nhân dân tệ tương đương 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng) của Lành Văn O và Sìn Thị N đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về đánh giá tính chất vụ án: Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm quyền tự do của Lò Thị H1 được Hiến pháp và pháp luật quy định. Bên cạnh đó còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải bị xử lý nghiêm. Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, Lành Văn O đóng vai trò chủ mưu còn Sìn Thị N đóng vai trò giúp sức.

[4] Về nhân thân và các tình tiết: Bị cáo Lành Văn O sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, am hiểu pháp luật có phần hạn chế song bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội đưa người khác trốn đi nước ngoài, bị cáo đã có thời gian cải tạo tại trại nhưng không lấy đó làm bài học cho mình mà cố tình phạm tội.

Bị cáo Sìn Thị N ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị đưa ra xét xử về một tội danh nào khác, chưa bị xử lý hành chính nhưng bị cáo lại lừa dối để bán chính cháu họ của mình lấy tiền chi dùng.

Do đó HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt thỏa đáng tương xứng với hành vi mà mỗi bị cáo đã thực hiện.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Sìn Thị N đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa người đại diện hợp

pháp của bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Sìn Thị N nên được áp dụng Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 150/BLHS các bị cáo còn có thể bị xử phạt bổ sung là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy các bị cáo Lành Văn O, Sìn Thị N sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn nên HĐXX quyết định không áp dụng khoản 4 Điều 150/BLHS đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra bị hại Lò Thị H1 yêu cầu bị cáo Sìn Thị N phải bồi thường cho bị hại số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bị cáo H1 nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại (đã bồi thường).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bị cáo Lành Văn O phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bị cáo Sìn Thị N phải bồi thường tiếp cho gia đình bị hại 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vì hiện nay bị hại Lò Thị H1 đã chết, chị H1 hiện còn mẹ đẻ đã già yếu và 03 con nhỏ không ai chăm sóc vì chồng bị hại đã ly hôn nhưng hiện cũng đã chết. Các bị cáo đều nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại.

Căn cứ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 586, 587, 592 Bộ luật Dân sự. Xét thấy việc tự nguyện bồi thường của các bị cáo theo yêu cầu của bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, do vậy HĐXX quyết định ghi nhận sự tự nguyện đó. Do bị hại hiện đã chết và còn có mẹ đẻ và 03 người con nên cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho họ cụ thể là:

Buộc bị cáo Lành Văn O phải bồi thường người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Các cháu Lò Văn Đ, Lò Việt Q, Lò Hoài N (người đại diện hợp pháp cho các cháu Đ, Q và N là ông Lò Văn H2) và bà Lò Thị C mỗi người số tiền là: 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

Buộc bị cáo Sìn Thị N phải bồi thường tiếp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Các cháu Lò Văn Đ, Lò Việt Q, Lò Hoài N (người đại diện hợp pháp cho các cháu Đ, Q và N là ông Lò Văn H2) và bà Lò Thị C mỗi người là số tiền là: 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng)

Căn cứ theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với số tiền các bị cáo phạm tội mà có là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng), trong đó Lò Văn O là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), Sìn Thị N 20.000.0000 đồng (Hai mươi triệu đồng) các bị cáo đã chi dùng cá nhân nên cần bị truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Chiếc điện thoại thu giữ của Lành Văn O không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho Lành Văn O.

Chiếc dây lưng thu giữ của bị hại Lò Thị H1, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị tịch thu tiêu hủy nên HĐXX xem xét chấp nhận vì không còn giá trị sử dụng.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Sìn Thị N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (50.000.000 đồng x 5 % = 2.500.000 đồng).

Đối với bị cáo Lành Văn O đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 582/QĐ-TTG ngày 28/4/2017 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Trong vụ án này theo lời khai của Lành Văn O còn có Lành Thị Ô hiện đang sinh sống tại Trung Q nhưng không rõ địa chỉ cụ thể có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cơ quan điều tra, truy tố không đặt vấn đề xem xét trong vụ án này và Teo Thị H và Lâm Văn I là người đi cùng các bị cáo nhưng không biết các bị cáo làm gì, tiền do đâu mà có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lành Văn O và Sìn Thị N đều phạm tội “*Mua bán người*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lành Văn O** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/02/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Sìn Thị N** 06

(sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/02/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 586, 587, 592 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lành Văn O: Phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Các cháu Lò Văn Đ, Lò Việt Q, Lò Hoài N (người đại diện hợp pháp cho các cháu Đ, Q và N là ông Lò Văn H2) và bà Lò Thị C mỗi người số tiền là: 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Sìn Thị N: Phải bồi thường tiếp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Các cháu Lò Văn Đ, Lò Việt Q, Lò Hoài N (người đại diện hợp pháp cho các cháu Đ, Q và N là ông Lò Văn H2) và bà Lò Thị C mỗi người số tiền là: 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lành Văn O và Sìn Thị N chậm trả tiền thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự truy thu của bị cáo Lành Văn O số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) và truy thu của bị cáo Sìn Thị N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự .

- *Trả lại cho bị cáo Lành Văn O:* 01 (một) điện Thoại NOKIA - N1280, màu đen đã qua sử dụng

- *Tịch thu tiêu hủy:* 01 (một) dây thắt lưng bằng vải màu xanh, xung quanh dây có viền trang trí bằng vải màu trắng - hồng, chiều dài 89cm, rộng 8cm, dây lưng đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 28/8/2019)

4. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 BLTTHS; điểm đ Khoản 1 Điều 12. Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Lành Văn O.

Bị cáo Sìn Thị N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2019)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2019).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn